BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 8
4. Báo cáo Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2023	9
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2023	10 - 11
6. Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023	12 - 20

****

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP/KDBH, được cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đang hoạt động theo giấy phép trên và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC1/KDBH cấp ngày 09 tháng 08 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: 8.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Mã số thuế : 0 3 1 7 0 2 8 2 6 9

Hoạt động chính của Công ty:

- Môi giới bảo hiểm. Chi tiết:
  - Môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm;
  - Hoạt động phụ trợ bảo hiểm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

Địa bàn hoạt động của Công ty:

- Trên toàn lãnh thổ Việt Nam: đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài.

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Cao Bá Huy	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn	Thành viên
Bà Lê Vũ Hoài Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 20).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc của Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc của Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



CAO BÁ HUY
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

ROYAL VIETNAM
Consulting Auditing Vietnam

16, Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
(+84) 28 38 299 299
info@royalaudit.vn
www.royalaudit.vn

Số: DIB.2023/HGVN-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty không tổ chức và Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như không có điều kiện áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định sự hiện hữu, chính xác, và mức độ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của các chỉ tiêu nói trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập. Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 26 tháng 04 năm 2023 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam

M.S.D.N: 0311762766 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM TOÁN HOÀNG GIA VIỆT NAM QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	**VÕ ANH KIỆT**
Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN KT số: 3341-2020-220-1	*Giấy CN ĐKHN KT số: 6317-2023-220-1*

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**9.994.462.288**	**8.959.637.295**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**9.839.311.134**	**8.680.376.920**
1. Tiền	111		5.639.311.134	8.680.376.920
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**103.480.514**	**30.365.913**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.2	103.480.514	30.365.913
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**89.090.909**
1. Hàng tồn kho	141		-	89.090.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**51.670.640**	**159.803.553**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.3	35.059.529	159.803.553
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	16.611.111	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**542.786.366**	**547.501.884**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**150.000.000**	**150.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218	V.2	150.000.000	150.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**137.978.973**	**116.627.402**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	137.978.973	116.627.402
Nguyên giá	*222*		*198.736.363*	*127.172.727*
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(60.757.390)*	*(10.545.325)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	*228*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		-	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**254.807.393**	**280.874.482**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	254.807.393	280.874.482
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**10.537.248.654**	**9.507.139.179**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**740.560.505**	**694.735.915**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**740.560.505**	**694.735.915**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.5	589.207.374	470.367.533
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.6	8.716.735	216.808.382
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.7	142.636.396	7.560.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**9.796.688.149**	**8.812.403.264**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.8**	**9.796.688.149**	**8.812.403.264**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.706.853.742	771.783.101
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	423		89.834.407	40.620.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**10.537.248.654**	**9.507.139.179**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

NGUYỄN THIỆN NHÂN
Kế toán trưởng

CAO BÁ HUY
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**8.126.896.657**	**4.663.789.399**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**-**	**-**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.1**	**8.126.896.657**	**4.663.789.399**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**2.538.067.206**	**936.280.000**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**5.588.829.451**	**3.727.509.399**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.3**	**705.289.105**	**107.007.951**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.3**	**30.225.772**	**123.292.947**
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	**VI.4**	**5.016.450.107**	**2.695.600.134**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.247.442.677**	**1.015.624.269**
10. Thu nhập khác	**31**		**200.000**	**-**
11. Chi phí khác	**32**		**14.215.888**	**96.151**
12. Lợi nhuận khác	**40**		**(14.015.888)**	**(96.151)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.233.426.789**	**1.015.528.118**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.5**	**249.141.904**	**203.124.854**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**		**-**	**-**
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**984.284.885**	**812.403.264**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		**VI.6**	**1.230**	**1.016**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

NGUYỄN THIỆN NHÂN
Kế toán trưởng

CAO BÁ HUY
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.233.426.789***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		50.212.065
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		(448.115)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(450.630.809)
- Chi phí lãi vay	06		-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***832.559.930***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(89.725.712)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		89.090.909
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(258.559)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		150.811.113
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(203.058.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***779.418.926***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(71.563.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		450.630.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***379.067.173***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**1.158.486.099**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**8.680.376.920**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		448.115
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**9.839.311.134**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

NGUYỄN THIỆN NHÂN	**CAO BÁ HUY**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB là Công ty Cổ phần vốn sở hữu tư nhân được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 88/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19 tháng 05 năm 2021.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Môi giới bảo hiểm

3. Hoạt động chính

- Môi giới bảo hiểm. Chi tiết:
  - Môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm;
  - Hoạt động phụ trợ bảo hiểm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 7 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính; các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm của các giao dịch bằng ngoại tệ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.700 VND/USD.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.440 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, vàng tiền tệ, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua và các khoản có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày báo cáo (nhưng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn... Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước nhiều kỳ.... Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và không quá 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

5. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	*Số năm*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	04

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích, hiểu và chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của Cơ quan thuế.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.132.693.517	4.754.246.883
Tiền gửi ngân hàng	3.506.617.617	3.926.130.037
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	-
Cộng	**9.839.311.134**	**8.680.376.920**

(*): Các khoản tiền gửi tiết kiệm đáo hạn trước ngày 31/03/2024 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất 5,4%/năm và 6,2%/năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	***103.480.514***	***30.365.913***
- Phí bảo hiểm thu hộ doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài	-	30.365.913
- Lãi tiền gửi	69.143.014	-
- Thuế TNCN hoàn trả cho người lao động	34.337.500	-
Phải thu dài hạn khác	***150.000.000***	***150.000.000***
- Đặt cọc tiền thuê văn phòng	150.000.000	150.000.000
Cộng	**253.480.514**	**180.365.913**

3. Chi phí trả trước

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí trả trước ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	48.692.441	10.100.000	(56.542.444)	2.249.997
Chi phí thuê văn phòng	111.111.112	310.000.000	(421.111.112)	-
Chi phí khác	-	103.813.636	(71.004.104)	32.809.532
Cộng	**159.803.553**	**423.913.636**	**(548.657.660)**	**35.059.529**
Chi phí trả trước dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	273.871.149	169.290.909	(190.114.665)	253.047.393
Chi phí khác	7.003.333	2.640.000	(7.883.333)	1.760.000
Cộng	**280.543.987**	**171.930.909**	**(197.997.998)**	**254.807.393**

4. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	127.172.727	-	127.172.727
Mua sắm mới	36.263.636	35.300.000	71.563.636
Số cuối năm	**163.436.363**	**35.300.000**	**198.736.363**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	(10.545.325)	-	(10.545.325)
Khấu hao trong năm	(43.666.854)	(6.545.211)	(50.212.065)
Số cuối năm	**(54.212.179)**	**(6.545.211)**	**(60.757.390)**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	116.627.402	-	116.627.402
Số cuối năm	**109.224.184**	**28.754.789**	**137.978.973**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	18.399.815	5.457.909	(23.857.724)	-
Thuế TNDN	203.124.854	249.141.904	(203.058.755)	249.208.003
Thuế TNCN	232.176.196	439.116.656	(371.571.264)	299.721.588
Thuế khác	16.666.668	93.911.191	(70.300.076)	40.277.783
Thuế môn bài	-	2.000.000	(2.000.000)	-
Cộng	**470.367.533**	**789.627.660**	**(670.787.819)**	**589.207.374**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuyết minh IV.7

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.233.426.789**	**1.015.528.118**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.282.733	96.151
Các khoản điều chỉnh tăng	12.826.999	96.151
- *Chi phí không hợp lệ*	*12.826.999*	-
- *Lỗ chênh lệch đánh giá chưa thực hiện năm nay*	-	*96.151*
Các khoản điều chỉnh giảm	(544.266)	-
- *Lãi chênh lệch đánh giá chưa thực hiện năm nay*	*(448.115)*	-
- *Lỗ chênh lệch đánh giá chưa thực hiện năm trước*	*(96.151)*	-
Thu nhập chịu thuế	**1.245.709.522**	**1.015.624.269**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**249.141.904**	**203.124.854**

6. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê xe ô tô	-	100.000.000
Chi phí tư vấn	-	111.111.111
Các khoản trích trước khác	8.716.735	5.697.271
Cộng	**8.716.735**	**216.808.382**

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	44.479.000	7.560.000
Phí bảo hiểm thu hộ doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài	84.482.201	-
Thuế TNCN phải trả cho người lao động	13.673.195	-
Cộng	**142.634.396**	**7.560.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Lãi /(Lỗ) trong năm trước	-	-	812.403.264	812.403.264
Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	-	40.620.163	(40.620.163)	-
Số dư cuối năm trước	**8.000.000.000**	**40.620.163**	**771.783.101**	**8.812.403.264**
Số dư đầu năm nay	8.000.000.000	40.620.163	771.783.101	8.812.403.264
Lãi /(Lỗ) trong năm nay	-	-	984.284.885	984.284.885
Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	-	49.214.244	(49.214.244)	-
Số dư cuối năm nay	**8.000.000.000**	**89.834.407**	**1.706.853.742**	**9.796.688.149**

Tình hình góp vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 như sau:

	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
Chủ sở hữu	**VND**	**Tỷ lệ (%)**	**VND**	**VND**
Bà Lê Vũ Hoài Hương	3.200.000.000	40%	3.200.000.000	-
Bà Nguyễn Thùy Dung	3.200.000.000	40%	3.200.000.000	-
Ông Lê Sơn	1.600.000.000	20%	1.600.000.000	-
Cộng	**8.000.000.000**	**100%**	**8.000.000.000**	**-**

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2023 là 8.000.000.000 VND, tương đương 100% Vốn Điều lệ. Các Chủ sở hữu đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động.

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	800.000	800.000
Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	800.000	800.000
Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	800.000	800.000
Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.126.896.657	4.663.789.399
- *Doanh thu từ cung cấp dịch vụ*	*8.126.896.657*	*4.663.789.399*
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Cộng	**8.126.896.657**	**4.663.789.399**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.538.067.206	936.280.000
Cộng	**2.538.067.206**	**936.280.000**

3. Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	450.630.809	9.742.841
Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá	254.658.296	97.265.110
Cộng	**705.289.105**	**107.007.951**
Chi phí hoạt động tài chính		
Lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá	30.225.772	123.292.947
Cộng	**30.225.772**	**123.292.947**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.782.347.000	833.240.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	293.200.367	36.280.287
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.212.065	10.545.325
Thuế, phí và lệ phí	8.341.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.557.153.659	1.670.235.929
Chi phí bằng tiền khác	325.196.016	143.298.593
Cộng	**5.016.450.107**	**2.695.600.134**

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	984.284.885	812.403.264
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	984.284.885	812.403.264
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	800.000	800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.230**	**1.016**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các chủ sở hữu, Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
Nguyễn Thùy Dung	
Lương và các khoản thưởng	317.840.000
Cao Bá Huy	
Lương và các khoản thưởng	828.340.000

Tài ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp ngoài các thông tin đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

3. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

NGUYỄN THIỆN NHÂN	**CAO BÁ HUY**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**